

Số: 02/TB-MNSC17

Phú Nhuận, ngày 2 tháng 9 năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**Về việc các khoản thu năm học 2023-2024**

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 - 2024;

Căn cứ văn bản số 4687/SGDDT- KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở GD và Đào Tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ giáo dục, thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ văn bản số 1442/UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của UBND Quận Phú Nhuận về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ giáo dục, thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Quận

| STT                                                                                 | CÁC KHOẢN THU                                                                                          | NIÊN TRẺ            | MẪU GIÁO | GHI CHÚ                                                                                           |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thu học phí                                                                         |                                                                                                        | -                   | -        |                                                                                                   |
| 1                                                                                   | Học phí                                                                                                | -                   | -        | Tạm thời chưa thu chờ hướng dẫn mức thu                                                           |
| Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá theo quy định |                                                                                                        |                     |          |                                                                                                   |
| 1                                                                                   | Tiền tổ chức các lớp năng khiếu Nhịp điệu (80.000 đ/tháng/môn)                                         | Không học không thu | 80.000   | Học sinh/môn/tháng (Không bắt buộc, thu theo danh sách học sinh đăng ký)                          |
| 2                                                                                   | Tiền tổ chức các lớp năng khiếu Vẽ (80.000 đ/tháng/môn)                                                |                     | 80.000   |                                                                                                   |
| 3                                                                                   | Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (200.000 đ/tháng/môn)                                  |                     | 200.000  |                                                                                                   |
| Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú                                 |                                                                                                        |                     |          |                                                                                                   |
| 1                                                                                   | Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú                                                       | 280.000             | 280.000  | Học sinh/tháng                                                                                    |
| 2                                                                                   | Tiền phục vụ ăn sáng                                                                                   | 135.000             | 135.000  | Học sinh/tháng                                                                                    |
| 3                                                                                   | Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú : 400.000 đ học sinh/năm học . Thu HK1 và HK2 | 200.000             | 200.000  | 200.000đ/Học sinh/Học kỳ                                                                          |
| Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh                                           |                                                                                                        |                     |          |                                                                                                   |
| 1                                                                                   | Tiền học phẩm- học cụ- học liệu: 360.000 đ học sinh/năm học. Thu HK1 và HK2                            |                     |          |                                                                                                   |
| 1.1                                                                                 | Học phẩm                                                                                               | 20.000              | 20.000   | Học sinh/năm học                                                                                  |
| 1.2                                                                                 | Học cụ - học liệu: 340.000 đ học sinh/năm học . Thu HK1 và HK2                                         | 170.000             | 170.000  | 170.000đ/Học sinh/Học kỳ                                                                          |
| 2                                                                                   | Tiền suất ăn trưa bán trú                                                                              | 35.000              | 35.000   | Học sinh/ngày<br>Học Sinh Chăm<br>12.000 đ/ngày/HS<br>(Bữa ăn phụ gồm sữa ,<br>Yaourt, Bánh Flan) |
| 3                                                                                   | Tiền suất ăn sáng                                                                                      | 16.000              | 16.000   | Học sinh/ngày                                                                                     |
| 4                                                                                   | Tiền nước uống                                                                                         | 15.000              | 15.000   | Học sinh/tháng                                                                                    |
| 5                                                                                   | Tiền khám sức khoẻ học sinh ban đầu                                                                    | 20.000              | 20.000   | Học sinh/năm học                                                                                  |

| STT       | CÁC KHOẢN THU                                                                                    | NHÀ TRẺ | MẪU GIÁO | GHI CHÚ        |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|----------------|
| 6         | Tiền điện sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện và chi phí bảo trì) học sinh/tháng | 35.000  | 35.000   | Học sinh/tháng |
| 7         | Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số                              | 110.000 | 110.000  | Học sinh/Năm   |
| Tổng cộng |                                                                                                  | -       | -        |                |

\* Ghi chú:

- 1 Tiền bảo hiểm tai nạn: 50.000 đ (học sinh/năm học). Thu theo thoả thuận với phụ huynh.

Phú Nhuận, ngày 23 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Bồ Thị Mai Trinh